

Số: **1173**/BKHDĐT-TCTT

Hà Nội, ngày **5** tháng **3** năm 2021

v/v tổng kết, đánh giá thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện CTMTQG giai đoạn 2016-2020

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, trong đó Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Chính phủ dự thảo “*Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia*”; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1385/VPCP-QHĐP ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về xây dựng Nghị định quy định cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị:

1. Các Bộ, cơ quan Trung ương chủ trì chương trình, dự án, nội dung thành phần thuộc từng chương trình tổ chức đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia; dự án, nội dung thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; đồng thời, đề xuất cơ chế quản lý đối với các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2030 (*theo Phụ lục 1 gửi kèm*). Trong đó:

- Ủy ban Dân tộc chủ trì đề xuất cơ chế đặc thù đối với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đề xuất cơ chế đặc thù đối với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì đề xuất cơ chế đặc thù đối với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và An sinh xã hội bền vững.

- Các Bộ, cơ quan Trung ương, căn cứ theo nhiệm vụ, đề xuất cơ chế quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các dự án, nội dung thành phần thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cơ chế quản lý, điều hành cho giai đoạn 2021-2030 (*theo Phụ lục 2 gửi kèm*).

3. Bộ Tài chính chủ trì thực hiện công tác đánh giá về kết quả thực hiện các chính sách quản lý ngân sách nhà nước đối với từng chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; đồng thời, đề xuất những khung chính sách quản

lý ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2030 (trong đó: đề nghị tập trung vào một số nội dung: nguyên tắc sử dụng, tổ chức quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp; cơ chế đặc thù (nếu có) gắn với từng đối tượng, nội dung thuộc từng chương trình mục tiêu quốc gia).

Để kịp thời gian tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề nghị các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo đánh giá về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng 3 năm 2021 (đồng thời gửi file báo cáo đánh giá chính sách về địa chỉ: taichinh_tiente@mpi.gov.vn¹).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các đơn vị: PC, LĐVX, KTNN, KTĐPLT, THKTQD, GS&TĐĐT, PTHTX (để thực hiện);
- Trung tâm tin học Bộ;
- Lưu: VT, TCTT.

D2



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

¹ Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Tài chính, tiền tệ) tại các số máy: 080.44215 (gặp đồng chí Nguyễn Kim Dung) hoặc 080.43956 (gặp đồng chí Đỗ Thị Thanh Huyền hoặc đồng chí Đỗ Thị Hồng Bích).

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG

Áp dụng cho bộ, cơ quan trung ương là chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chủ trì dự án, nội dung thành phần và các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia

(Kèm theo văn bản số **1173** /BKHD-TCTT ngày **05** tháng **3** năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



BÁO CÁO

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 41/2016/QĐ-TTG¹

I. QUY ĐỊNH VỀ LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Quy định về xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại Điều 4 Quy chế số 41.

Đánh giá quy định về xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình, dự án thành phần và các hoạt động thuộc Chương trình tại từng cấp; hiệu quả áp dụng quy định đối với công tác quản lý Chương trình (trong đó cần chỉ rõ những điểm phù hợp, những điểm chưa phù hợp và những nội dung quy định cần bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tế tổ chức thực hiện Chương trình).

2. Quy định về lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm tại Điều 5 Quy chế số 41.

Đánh giá việc áp dụng quy định về căn cứ, nội dung và trình tự lập kế hoạch thực hiện Chương trình hằng năm (trong đó cần làm rõ sự phối hợp giữa các cơ quan trung ương và địa phương trong công tác lập kế hoạch).

3. Quy định về giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại Điều 7 Quy chế số 41.

Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong tổ chức thực hiện các Quyết định giao kế hoạch giai đoạn 5 năm và hằng năm của cấp Trung ương. Trong đó làm rõ hiệu quả, sự cần thiết của việc giao các chỉ tiêu kế hoạch (mục tiêu giai đoạn, hằng năm, tổng nguồn lực từng chương trình,...) đối với công tác lập kế hoạch,

¹ Gợi tắt Quy chế số 41.

với thực tiễn tổ chức thực hiện tại địa phương và công tác theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình của các cơ quan Trung ương.

II. QUY ĐỊNH VỀ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Quy định về huy động nguồn vốn tại Điều 8 Quy chế số 41.

- Đánh giá việc thực hiện cân đối nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 8 Quy chế số 41 và quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của Chương trình² (trong đó làm rõ việc thực hiện mức cân đối tối thiểu hằng năm so với tỷ lệ quy định).

- Đánh giá việc triển khai các giải pháp huy động nguồn lực ngoài vốn NSNN tại địa phương. Nêu bật những giải pháp đã phát huy hiệu quả tích cực tới thu hút nguồn lực cho thực hiện Chương trình (trong đó cần làm rõ hiệu quả của giải pháp huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án của Chương trình; các chính sách do Trung ương ban hành và các chính sách phân cấp địa phương ban hành).

2. Quy định về phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm tại Điều 9 Quy chế số 41.

Đánh giá việc chấp hành quy định của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về phân bổ, giao kế hoạch và chế độ báo kết quả phân bổ, giao kế hoạch thực hiện Chương trình (trong đó làm rõ những tồn tại, hạn chế của quy định hiện hành).

3. Quy định về sử dụng nguồn lực huy động tại các Điều: 10, 11, 12 Quy chế số 41.

- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện nội dung Chương trình (trong đó làm rõ sự phù hợp của các quy định về định mức chi tiêu, cơ chế chi tiêu Chương trình; những điểm chưa phù hợp với thực tế triển khai tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương).

- Đánh giá hiệu quả việc sử dụng kinh phí được lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để thực hiện Chương trình (trong đó làm rõ cơ chế lồng ghép và sử dụng nguồn lực lồng ghép tại các địa phương; cơ chế, thủ tục thanh quyết toán và giải ngân nguồn vốn lồng ghép).

- Việc sử dụng nguồn lực huy động khác:

+ Đánh giá cơ chế quản lý, sử dụng nguồn lực huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư tại các địa phương.

² Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

+ Đánh giá việc sử dụng nguồn vốn tín dụng (bao gồm cả tín dụng thương mại và tín dụng chính sách) trong thực hiện Chương trình, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong sử dụng nguồn vốn tín dụng để thực hiện các nội dung, hoạt động, dự án thuộc Chương trình; tỷ lệ thu hồi vốn, nợ quá hạn và nợ không thu hồi.

III. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá về đầu mối quản lý và quan hệ phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan tại địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình và sự phù hợp với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đánh giá việc thực hiện công khai thông tin về Chương trình tại cấp Trung ương và cấp địa phương, trong đó làm rõ: hình thức công khai, nội dung công khai, thời điểm công khai và đánh giá mức độ quan tâm tiếp cận thông tin công khai của cộng đồng người dân.

IV. QUY ĐỊNH VỀ THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đánh giá về việc quy định phải xây dựng bộ chỉ số để theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình theo quy định tại Điều 16 Quy chế 41.

- Đánh giá việc chấp hành quy định và hiệu quả thực hiện công tác theo dõi, giám sát, đánh giá Chương trình tại các địa phương.

2. Đánh giá vai trò của người dân trong tham gia giám sát thực hiện công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng nội dung, dự án thành phần của Chương trình (từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và nghiệm thu kết quả thực hiện); đánh giá vai trò của cơ quan Mặt trận Tổ quốc các cấp trong theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đánh giá việc thực hiện quy định quản lý đầu tư công³, quản lý xây dựng cơ bản⁴, quản lý đấu thầu⁵ trong thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó làm rõ những thuận lợi góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; những khó khăn,

³ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

⁴ Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

⁵ Luật Đấu thầu và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

bất cập trong áp dụng quy định ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chương trình).

2. Đánh giá việc áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thực hiện Chương trình theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP (bao gồm các nội dung đã được sửa đổi tại Nghị định số 120/2019/NĐ-CP), trong đó cần làm rõ những quy định cần được tiếp tục áp dụng trong thời gian tới, những quy định phải loại bỏ.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

I. CƠ CHẾ QUẢN LÝ CHUNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Đề xuất những cơ chế, chính sách quản lý chung để tổ chức quản lý, điều hành thực hiện Chương trình (thống nhất những cơ chế đã được ban hành tại các Luật, Nghị định có liên quan đến quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia). Cụ thể:

1. Nguyên tắc quản lý đối với Chương trình.
2. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình; dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình giai đoạn 5 năm; hằng năm.
4. Lập kế hoạch thực hiện Chương trình; dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình trên địa bàn cấp xã.
5. Phân cấp, uỷ quyền trong công tác giao kế hoạch thực hiện Chương trình (Mức độ cụ thể trong thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch theo từng cấp phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý đối với cơ quan Trung ương và quản lý, tổ chức thực hiện tại địa phương).
6. Cơ chế huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.
7. Phân cấp trong quyết định sử dụng nguồn lực (đặc biệt là nguồn lực NSNN) đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với thực tế tổ chức thực hiện Chương trình tại địa phương (đề xuất phân cấp đối với từng cấp).
8. Phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình giữa Trung ương và địa phương; giữa các cấp tại địa phương; phân công công tác phối hợp trong quản lý Chương trình giữa cơ quan chủ trì Chương trình, cơ quan chủ trì dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình (công tác phối hợp trong xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch; xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, giám sát, đánh giá; thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát).

9. Nguyên tắc và phạm vi giám sát của người dân đối với quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

10. Đề xuất, kiến nghị khác.

II. CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Đề xuất và làm rõ cơ sở đề xuất những cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện công tác quản lý, tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, điều hành thực hiện Chương trình tại các cấp, đặc biệt là tại cấp cơ sở và gắn với đối tượng thụ hưởng Chương trình. Cụ thể:

1. Đặc thù trong xây dựng bộ máy quản lý, trong tổ chức thực hiện Chương trình (trong đó cần làm rõ cơ sở đề xuất chính sách).

2. Đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản (trong đó cần làm rõ cơ sở đề xuất chính sách).

2.1. Điều kiện và đối tượng áp dụng cơ chế đặc thù.

2.2. Nội dung cơ chế đặc thù, gồm: quy định về đấu thầu trong thực hiện dự án đầu tư; quy định về xây dựng, phê duyệt Hồ sơ công trình, dự án đầu tư; quy định về lập dự toán công trình, dự án; quy định về thanh quyết toán công trình, dự án;...

3. Chính sách đặc thù trong tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động từng chương trình mục tiêu quốc gia (đặc biệt là các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tạo sinh kế, nâng cao thu nhập đã áp dụng có hiệu quả tại địa phương).

4. Đề xuất, kiến nghị khác.

Phụ lục 2

ĐỀ CƯƠNG

Áp dụng cho cơ quan thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương

(Kèm theo văn bản số *1173* /BKHĐT-TCTT ngày *05* tháng *3* năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



BÁO CÁO

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 41/2016/QĐ-TT¹

I. QUY ĐỊNH VỀ LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Quy định về xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm tại Điều 4 Quy chế số 41.

- Việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm 2016-2020 tại các cấp ở địa phương (trong đó cần làm rõ: hình thức văn bản đã ban hành kế hoạch; nội dung kế hoạch; mức độ phân công, phân cấp tổ chức thực hiện kế hoạch ở từng cấp).

- Đánh giá hiệu quả áp dụng quy định đối với công tác quản lý và tổ chức thực hiện từng chương trình (trong đó cần chỉ rõ những điểm phù hợp, những điểm chưa phù hợp và những nội dung quy định cần bổ sung đảm bảo phù hợp với thực tế tổ chức thực hiện tại địa phương).

2. Quy định về lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm tại Điều 5 Quy chế số 41.

Đánh giá việc áp dụng quy định về căn cứ, nội dung và trình tự lập kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm tại các cấp ở địa phương (trong đó cần làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện quy định về lập kế hoạch hàng năm; việc lồng ghép lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm).

3. Quy định về lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã tại Điều 6 Quy chế số 41.

¹ Gọi tắt Quy chế số 41.

- Việc ban hành quy định và quy trình tổ chức thực hiện lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm 2016-2020 và kế hoạch hằng năm trong giai đoạn tại địa phương.

- Đánh giá hiệu quả việc lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã có sự tham gia của người dân - đối tượng hưởng lợi trực tiếp (trong đó cần làm rõ thuận lợi, khó khăn việc áp dụng quy định tại Điều 6 Quy chế 41 và quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia).

4. Quy định về giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại Điều 7 Quy chế số 41.

Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong tổ chức thực hiện các Quyết định giao kế hoạch giai đoạn 5 năm và hằng năm của cấp Trung ương. Trong đó làm rõ hiệu quả, sự cần thiết của việc giao các chỉ tiêu kế hoạch (mục tiêu giai đoạn, hằng năm, tổng nguồn lực từng chương trình,...) đối với công tác lập kế hoạch, công tác theo dõi đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia và với thực tiễn tổ chức thực hiện tại địa phương.

II. QUY ĐỊNH VỀ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Quy định về huy động nguồn vốn tại Điều 8 Quy chế số 41.

- Việc thực hiện cân đối nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 8 Quy chế số 41 và quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng chương trình² (trong đó làm rõ mức cân đối tối thiểu hằng năm so với tỷ lệ quy định).

- Các giải pháp huy động nguồn lực khác đã áp dụng tại địa phương. Nêu bật những giải pháp huy động phát huy hiệu quả tích cực tới thu hút nguồn lực cho thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững tại địa phương. Trong đó làm rõ:

+ Sự đóng góp nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư (làm rõ cơ chế ghi nhận nguồn lực; phương thức quy đổi, đánh giá đối với nguồn lực đóng góp của cộng đồng dân cư).

+ Huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, dự án của chương trình mục tiêu quốc gia (số dự án, hoạt động huy động vốn tín dụng; tổng vốn tín dụng thương mại; tổng vốn tín dụng chính sách, cụ thể chính sách; các chính sách tín dụng riêng do địa phương ban hành, liệt kê cụ thể chính sách (nếu có)).

² Các Quyết định số: 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Các giải pháp lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (liệt kê, mô tả cụ thể việc lồng ghép các chương trình, dự án). Đánh giá hiệu quả công tác lồng ghép đối với triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

2. Quy định về phân bổ chi tiết kế hoạch, dự toán chi thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm tại Điều 9 Quy chế số 41.

Đánh giá việc chấp hành quy định phân bổ, giao kế hoạch và chế độ báo cáo kết quả phân bổ, giao kế hoạch theo quy định (những thuận lợi và những điểm khó khăn, chưa phù hợp với thực tiễn triển khai ở địa phương).

3. Quy định về sử dụng nguồn lực huy động tại các Điều: 10, 11, 12 Quy chế số 41.

- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và tổ chức thực hiện nội dung từng chương trình mục tiêu quốc gia³ (trong đó làm rõ sự phù hợp của các quy định về định mức chi tiêu, cơ chế chi tiêu theo từng chương trình; những điểm chưa phù hợp với thực tế triển khai tại địa phương).

- Đánh giá việc sử dụng kinh phí được lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó làm rõ việc ban hành các quy định để thực hiện lồng ghép và sử dụng nguồn lực lồng ghép tại địa phương; cơ chế, thủ tục thanh quyết toán và giải ngân nguồn vốn lồng ghép).

- Đánh giá việc sử dụng nguồn lực huy động khác:

+ Nguồn lực huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư (trong đó làm rõ việc áp dụng và ban hành cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn này tại địa phương).

+ Nguồn vốn tín dụng (thuận lợi trong sử dụng nguồn vốn tín dụng; tỷ lệ thu hồi vốn, nợ quá hạn và nợ không thu hồi).

III. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, ĐIỀU PHỐI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo, cơ quan quan giúp việc BCD chương trình mục tiêu quốc gia các cấp theo quy định tại các Điều: 13, 14 Quy chế số 41.

- Mô hình tổ chức hoạt động BCD các cấp tại địa phương (trong đó làm rõ: cơ cấu, tổ chức và tên gọi theo từng cấp).

- Mô hình tổ chức cơ quan giúp việc BCD các cấp tại địa phương.

- Đánh giá về đầu mối quản lý và quan hệ phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan tại địa phương trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia và sự phù

³ Các Thông tư số: 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017; 18/2017/TT-BNNPTNT 09/10/2017; 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017; 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/06/2017; 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017; 04/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2019; và các Thông tư có liên quan đã được địa phương áp dụng.

hợp với các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quy định về công khai thông chương trình mục tiêu quốc gia tại Điều 15 Quy chế số 41.

Đánh giá việc công khai thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia đã thực hiện tại địa phương (trong đó làm rõ: hình thức công khai, nội dung công khai, thời điểm công khai và đánh giá mức độ quan tâm tiếp cận thông tin công khai của cộng đồng người dân).

IV. QUY ĐỊNH VỀ THEO DÕI, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Giải pháp cụ thể thực hiện công tác theo dõi, giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đánh giá hiệu quả công tác theo dõi, giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp tại địa phương.

- Đánh giá việc thực hiện thu thập thông tin vào bộ chỉ số theo dõi, đánh giá từng chương trình (trong đó làm rõ những quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá đã được địa phương áp dụng; hiệu quả đóng góp đối với công tác theo dõi, giám sát giữa các cấp tại địa phương).

- Đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 16 Quy chế số 41 và Thông tư số 07/2017/TT-BKHĐT ngày 14 tháng 12 năm 2017.

2. Giám sát của cộng đồng đối với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Kết quả giám sát từ cộng đồng người dân trong tổ chức thực hiện từng chương trình. Đánh giá vai trò của người dân trong tham gia giám sát thực hiện công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng nội dung, dự án thành phần của từng chương trình (từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch và nghiệm thu kết quả thực hiện).

Phần thứ hai**ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CÁC
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

1. Đánh giá việc thực hiện quy định quản lý đầu tư công⁴, quản lý xây dựng cơ bản⁵, quản lý đấu thầu⁶ trong thực hiện các dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó làm rõ những thuận lợi góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; những khó khăn, bất cập trong áp dụng quy định ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chương trình).

2. Làm rõ sự phù hợp (cụ thể về giải pháp tổ chức thực hiện áp dụng quy định); không phù hợp (không áp dụng được) hoặc những khó khăn, hạn chế trong việc áp dụng quy định cơ chế đặc thù và giải pháp địa phương đã lựa chọn để khắc phục khó khăn, hạn chế trong áp dụng Nghị định số 161/2016/NĐ-CP⁷. Trong đó làm rõ việc áp dụng các quy định:

2.1. Quy định về tiêu chí lựa chọn những dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được áp dụng cơ chế đặc thù theo Điều 2 Nghị định số 161 và Điều 4 Nghị định số 120/2019/NĐ-CP (sửa đổi Điều 2 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP).

2.2. Quy định về lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình theo tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị định số 161 tại địa phương.

2.3. Quy định về lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng tại Điều 7 Nghị định số 161.

2.4. Đánh giá công tác tổ chức, giám sát thi công và nghiệm thu công trình theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 161 (quy trình tổ chức, đối tượng thực hiện và kết quả thực hiện, sự cần thiết đối với thực tế địa phương).

2.5. Các giải pháp đã được địa phương thực hiện nhằm để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong áp dụng quy định Nghị định số 161 (nếu có).

⁴ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

⁵ Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

⁶ Luật Đấu thầu và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật đã được địa phương áp dụng.

⁷ Gọi tắt Nghị định số 161.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

I. CƠ CHẾ QUẢN LÝ CHUNG ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Tập trung đề xuất và làm rõ cơ sở đề xuất những cơ chế, chính sách quản lý phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, điều hành thực hiện các chương trình tại địa phương. Cụ thể:

1. Nguyên tắc quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Trình tự xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia 5 năm; hằng năm.
4. Trình tự lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã.
5. Phân cấp, uỷ quyền trong công tác giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Mức độ cụ thể trong thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch theo từng cấp phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý, tổ chức thực hiện tại địa phương).
6. Cơ chế huy động nguồn lực phù hợp với thực tế địa phương trong huy động nguồn lực thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.
7. Phân cấp trong quyết định sử dụng nguồn lực (đặc biệt là nguồn lực NSNN) đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với thực tế tổ chức thực hiện từng chương trình tại địa phương (đề xuất phân cấp đối với từng cấp).
8. Phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình giữa Trung ương và địa phương; giữa các cấp tại địa phương; phân công công tác phối hợp trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương (công tác phối hợp trong xây dựng văn bản quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch; xây dựng hệ thống thông tin theo dõi, giám sát, đánh giá; thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát).
9. Nguyên tắc và phạm vi giám sát của người dân đối với quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
10. Đề xuất, kiến nghị khác.

II. CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Đặc thù trong xây dựng bộ máy quản lý, trong tổ chức thực hiện từng chương trình (trong đó cần làm rõ cơ sở đề xuất chính sách).

1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

1.3. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

2. Đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản (trong đó cần làm rõ cơ sở đề xuất chính sách).

2.1. Điều kiện và đối tượng áp dụng cơ chế đặc thù.

2.2. Nội dung cơ chế đặc thù, gồm: quy định về đấu thầu trong thực hiện dự án đầu tư; quy định về xây dựng, phê duyệt Hồ sơ công trình, dự án đầu tư; quy định về lập dự toán công trình, dự án; quy định về thanh quyết toán công trình, dự án.

3. Chính sách đặc thù trong tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động từng chương trình mục tiêu quốc gia (đặc biệt là các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tạo sinh kế, nâng cao thu nhập đã áp dụng có hiệu quả tại địa phương).

3.1. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

3.3. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững.

4. Đề xuất, kiến nghị khác.

Nơi nhận văn bản:

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Tài chính.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
5. Ủy ban Dân tộc.
6. Bộ Thông tin và Truyền thông.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
8. Bộ Y tế.
9. Bộ Công thương.
10. Bộ Công an.
11. Bộ Quốc phòng.
12. Ngân hàng nhà nước Việt Nam.
13. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.
14. Bộ Giao thông vận tải.
15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
16. Bộ Nội vụ.
17. Bộ Xây dựng.
18. Các đơn vị trong Bộ:
 - Vụ Kinh tế nông nghiệp.
 - Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
 - Vụ Lao động - Văn hóa và Xã hội.
 - Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.
 - Vụ Giám sát và thẩm định đầu tư.
 - Cục Phát triển hợp tác xã.
 - Trung tâm tin học Bộ (để đăng tải).
19. UBND 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.